

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **237/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 20/4/2026

Về việc: “*Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Long và ông Phạm Văn Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 447/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12/12/2025 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 30/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Dịch Văn H1**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 kết hôn với nhau vào năm 2021, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang), (*Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2021, ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn C, xã H (nay là xã T) cùng với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 11 năm 2025 chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dịch Văn H1.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chia sẻ, đời sống chung không có hạnh phúc, anh H1 không chịu khó làm ăn, vợ chồng thiếu lòng tin vào nhau nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả, hiện chị và anh H1 đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dịch Văn H1.

Tại bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, bị đơn anh Dịch Văn H1 trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H đi theo người đàn ông khác nên vợ chồng không có lòng tin vào nhau nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, không có hạnh phúc, hiện đang sống ly thân. Tuy nhiên vì thương con và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau nên anh H1 có quan điểm không nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị H, đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của chị H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 có 01 người con chung là Dịch Minh H2, sinh ngày 01/10/2021. Hiện nay cháu H2 đang sống cùng chị H ở xã S. Tại phiên tòa chị H và anh H1 cùng có quan điểm nhận là người trực tiếp tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2, không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Chị H và anh H1 kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND S, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn C, xã T cùng với gia đình nhà anh H1. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra to tiếng, cãi vã, xích mích. Vợ chồng hiện sống ly thân từ giữa giữa năm 2025. Mâu thuẫn đã được gia đình, thôn C nhiều lần hoà giải nhưng không thành.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Dịch Văn H1 đi làm lao động tự do ở ngoài tỉnh Tuyên Quang, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh H1 vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực I – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Dịch Văn H1 trong quá trình giải quyết không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa anh H1 có mặt.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 kết hôn vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng hiện sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Dịch Văn H1; giao cháu Dịch Minh H2, sinh ngày 01/10/2021 cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dịch Văn H1 và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, về vay nợ chung. Anh Dịch Văn H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 22/01/2021 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, tháng 11 năm 2025 chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dịch Văn H1. Anh H1 có quan điểm do thương con nên không muốn ly hôn, muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ kết quả xác minh xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống thiếu lòng tin vào nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau và hiện đang sống ly thân.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Dịch Văn H1.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 có 01 con chung là Dịch Minh H2, sinh ngày 01/10/2021. Cháu H2 hiện đang sống cùng chị H tại xã S, tỉnh Tuyên Quang. Tại phiên tòa chị H và anh H1 cùng có quan điểm được nhận trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2 và không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Dịch Minh H2 là con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Xét điều kiện cả chị H và anh H1 cùng có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt. Tuy nhiên, do cháu H2 còn nhỏ tuổi, anh H1 thường đi làm xa không có mặt tại địa phương, không quan tâm chăm sóc cháu, cháu hiện đang ở cùng với chị H. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, đảm bảo việc thi hành án (do cháu H2 đang ở với chị H) và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Dịch Minh H2, sinh ngày 01/10/2021 cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Dịch Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dịch Văn H1 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Dịch Văn H1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2021, ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang))

2. Về con chung: Giao cháu Dịch Minh H2, sinh ngày 01/10/2021 cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Dịch Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0001736, ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Dịch Văn H1 không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- T.H.A dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND Sơn Thủy (Nơi ĐKKH);
- UBND xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến